TRƯỜNG THPT HÙNG VƯƠNG.
TỔ ĐỊA LÍ
(2021-2022)
GV: NGUYỄN PHƯỚC QUÝ CẨM TÂM

CÂU HỎI ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ 1
Môn: Địa lí - Khối 12
Thời gian làm bài: 45 *phút*
Hình thức: **Trắc nghiệm**
(hoặc: 70%Trắc nghiệm + 30%Tự luận)

A. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ:

Câu 1: Nước ta nằm ở
A. trong vùng cận nhiệt đới bán cầu Bắc.
B. trung tâm của bán đảo Đông Dương.
C. khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa.
D. vùng không có các thiên tai: bão, lũ lụt.

Câu 2: Điểm cực Đông của nước ta là xã Vạn Thạnh thuộc tỉnh:
A. Ninh Thuận
B. Khánh Hòa
C. Đà Nẵng
D. Phú Yên

Câu 3 : Phía tây nước ta tiếp giáp với những quốc gia nào sau đây?
A. Lào và Thái Lan.
B. Campuchia và Trung Quốc.
C. Lào và Campuchia.
D. Lào và Trung Quốc.

Câu 4 : Vùng biển nước ta tiếp giáp với đất liền là:
A. A vùng tiếp giáp lãnh hải.
B. Vùng đặc quyền kinh tế.
C. nội thủy.
D. lãnh hải.

Câu 5: Quốc gia nào sau đây ***không*** tiếp giáp với vùng biển Việt Nam?
A. Trung Quốc.
B. Campuchia.
C. Malayxia.
D. Mianma.

Câu 6: Nước ta có vị trí ở
A. bán cầu Nam.
B. bán cầu Tây.
C. vùng xích đạo.
D. vùng nhiệt đới.

Câu 7: Vị trí địa lý nước ta tạo điều kiện thuận lợi cho nước ta về mặt kinh tế là
A. có nhiều khoáng sản.
B. phát triển các ngành kinh tế biển.
C. chung sống hòa bình, hợp tác hữu nghị với các nước trong khu vực.
D. có nhiều sinh vật.

Câu 8: Đặc điểm nào sau đây ***không đúng*** với vị trí địa lí nước ta?
A. Việt Nam nằm trong khu vực phát triển kinh tế sôi động của thế giới.
B. Việt Nam nằm ở trung tâm các vành đai động đất và sóng thần trên thế giới.
C. Việt Nam nằm ở rìa đông của bán đảo Đông Dương nên vừa gắn liền với lục địa, vừa tiếp giáp Biển Đông với đường bờ biển kéo dài
D. Việt Nam nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến ở bán cầu Bắc.

Câu 9: Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở nửa cầu Bắc, nên
A. khí hậu có bốn mùa rõ rệt.
B. có nền nhiệt độ cao.
C. chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.

D. có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá.

Câu 10: Ý nghĩa văn hóa – xã hội của vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ Việt Nam là tạo điều kiện

A. để nước ta thực hiện chính sách mở cửa, hội nhập, thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

B. thuận lợi cho nước ta chung sống hòa bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển với các nước Đông Nam Á.

C. cho giao lưu với các nước xung quanh bằng đường bộ, đường biển, đường hàng không.

D. mở lối ra biển thuận lợi cho Lào, Đông Bắc Campuchia và Tây Nam Trung Quốc.

Câu 11: Nước ta có đặc điểm thiên nhiên nhiệt đới do

A. nằm hoàn toàn ở trong vùng nội Chí tuyên.

B. chịu tác động thường xuyên của Tín phong.

C. ở khu vực hoạt động của gió mùa châu Á.

D. giáp Biển Đông thông ra Thái Bình Dương.

Câu 12: Nước ta dễ dàng giao lưu với các nước trên thế giới là do

A. có đường bờ biển dài, nhiều vũng, vịnh, cửa sông.

B. nằm trong vùng nội chí tuyến có nền nhiệt độ cao.

C. gần ngã tư đường hàng không, hàng hải quốc tế.

D. ở nơi giao thoa giữa các nền văn minh khác nhau.

B. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TỰ NHIÊN VIỆT NAM

B.1. Đất nước nhiều đồi núi:

Câu 13: Vùng núi Trường Sơn Bắc

A. nằm giữa sông Hồng và sông Cả.

B. giới hạn từ phía nam sông Cả tới dãy Bạch Mã.

C. nằm ở phía đông thung lũng sông Hồng.

D. nằm ở phía nam của dãy núi Bạch Mã.

Câu 14: Đặc điểm nào dưới đây **không** phải là đặc điểm chung của địa hình nước ta?

A. Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

B. Địa hình ít chịu tác động của con người.

C. Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp.

D. Cấu trúc địa hình khá đa dạng.

Câu 15: Hướng nghiêng chung của địa hình nước ta là

A. bắc - nam.

B. tây bắc - đông bắc.

C. tây bắc - đông nam.

D. tây - đông.

Câu 16: Nguyên nhân khiến bề mặt đồng bằng sông Hồng bị chia cắt thành nhiều ô là do

A. có hệ thống kênh mương thủy lợi rất phát triển.

B. con người khai phá từ lâu người và làm biến đổi mạnh.

C. phù sa sông bồi tụ trên một bề mặt không bằng phẳng.

D. có hệ thống đê ven sông ngăn lũ chia cắt

Câu 17: Sự xâm thực mạnh mẽ tại miền đồi núi và bồi lắng phù sa tại các vùng trũng là biểu hiện đặc điểm nào của địa hình nước ta?

A. Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.

B. Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp.

C. Địa hình nước ta khá đa dạng

D. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người.

Câu 18: Đất ở đồng bằng ven biển miền Trung nước ta thường nghèo, nhiều cát là do

A. phần lớn đồng bằng nằm ở chân núi.

B. nguồn gốc hình thành chủ yếu từ biển.

C. đồng bằng nhỏ, hẹp ngang, bị chia cắt.

D. mưa nhiều, xói mòn, rửa trôi mạnh.

B.2. Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển

Câu 19: Hiện tượng sạt lở bờ biển xảy ra mạnh nhất ở ven biển của khu vực
A. Bắc Bộ.
B. Trung Bộ.
C. Nam Bộ.
D. Vịnh Thái Lan.
Câu 20: Khoáng sản biển chủ yếu của nước ta là
A. Dầu khí,muối,thiếc.
B. Dầu khí,muối,cát trắng,sắt.
C. Dầu khí, muối, cát trắng, titan.
D. Dầu khí,muối,cát trắng,bôxit.
Câu 21: Biển Đông chủ yếu nằm trong vùng?
A. Nhiệt đới ẩm gió mùa.
B. Cận nhiệt.
C. Xích đạo.
D. D. Ôn đới.
Câu 22: Biểu hiện nào sau đây **không** phải là ảnh hưởng của Biển Đông đối với khí hậu nước ta?
A. Tăng độ ẩm của các khối khí qua biển.
B. Mùa đông làm thời tiết bớt lạnh hơn.
C. Mùa hạ làm thời tiết bớt nóng hơn.
D. Tăng cường tính đa dạng sinh vật.
Câu 23 :Tác động toàn diện của biển Đông lên khí hậu nước ta là
A. Mang lại cho nước ta lượng mưa và độ ẩm lớn.
B. Làm cho khí hậu nước ta mang đặc tính khí hậu hải dương nên điều hòa hơn.
C. Làm giảm tính chất khắc nghiệt của thời tiết lạnh, khô trong mùa đông.
D. Làm giảm bớt thời tiết nóng bức trong mùa hạ.
Câu 24: Vai trò của Biển Đông đối với khí hậu nước ta trong mùa đông là
A. tăng độ ẩm.
B. làm giảm nền nhiệt độ.
C. làm giảm tính chất khắc nghiệt của thời tiết lạnh khô.
D. mang mưa đến cho khu vực ven biển và đồng bằng Bắc Bộ.
Câu 25: Do nằm trong khu vực nội chí tuyến nên Biển Đông có
A. các dòng biển đổi hướng theo mùa, dải hội tụ và áp thấp nhiệt đới.
B. các vùng biển nông và giáp Thái Bình Dương, biển ấm, mưa nhiều.
C. độ muối khá cao, nhiều ánh sáng, giàu ôxi, nhiệt độ nước biển cao.
D. biển kín và rộng, khí hậu nhiệt đới gió mùa, độ muối tương đối lớn.
Câu 26: Vị trí trải dài từ xích đạo về chí tuyến Bắc là nhân tố chủ yếu làm cho Biển Đông có
A. các dòng biển hoạt động theo mùa khác nhau, biển tương đối kín.
B. mưa nhiều theo mùa và khác nhau theo vùng, đường bờ biển dài.
C. các đảo và quần đảo, nhiều rừng ngập mặn và sinh vật phong phú.
D. nhiệt độ nước biển cao và tăng dần từ Bắc đến Nam, nhiều ánh sáng.
Câu 27: Do nằm trong khu vực nội chí tuyến nên Biển Đông có
A. khí hậu xích đạo, nhiệt độ cao, ẩm dồi dào, gió hoạt động theo mùa.
B. dải hội tụ, bão, áp thấp nhiệt đới, dòng hải lưu, nhiều rừng ngập mặn.
C. khí hậu nhiệt đới, mưa theo mùa, sinh vật biển đa dạng và phong phú.
D. bão và áp thấp nhiệt đới, nhiệt độ nước biển cao và độ muối khá lớn.

B.3. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa

Câu 28 :Ở những sườn núi đón gió biển và các khối núi cao, lượng mưa trung bình năm có thể lên đến (mm)
A. 1.500 - 2.500.
B. 2.500 - 3.500.
C. 3.500 -4.000.

D. 4.000 - 4.500.

Câu 29: Loại gió nào sau đây hoạt động quanh năm ở nước ta?

A. Tín phong bán cầu Bắc.

B. Gió phơn Tây Nam.

C. Gió mùa Tây Nam.

D. Gió mùa Đông Bắc.

Câu 30: Đặc điểm của nhóm đất feralit ở vùng đồi núi nước ta là:

A. Tầng đất dày, màu đỏ vàng, chua.

B. Tầng đất mỏng, màu đỏ nâu, chua.

C. Tầng đất mỏng, màu xám nâu, chua.

D. Đất có màu đỏ - đen, chua.

Câu 31: Vào nửa sau mùa đông, gió mùa Đông Bắc ở nước ta có tính chất lạnh ẩm vì gió này di chuyển

A. qua lục địa Trung Hoa rộng lớn.

B. xuống phía nam và mạnh lên.

C. về phía tây và qua vùng núi.

D. về phía đông qua biển.

Câu 32. Nguyên nhân gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên vào thời kì đầu mùa hạ là do ảnh hưởng của khối khí

A. cận chí tuyến bán cầu Bắc.

B. Bắc Ấn Độ Dương.

C. cận chí tuyến bán cầu Nam.

D. lạnh phương Bắc.

Câu 33: Do nằm trong khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa châu Á nên nước ta có

A. tổng bức xạ trong năm lớn.

B. hai lần Mặt Trời qua thiên đỉnh.

C. khí hậu tạo thành hai mùa rõ rệt.

D. nền nhiệt độ cả nước cao.

Câu 34: Bắc Bộ có mưa nhiều vào mùa hạ chủ yếu do tác động của

A. gió mùa Tây Nam, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến, dải hội tụ và bão.

B. gió mùa Tây Nam, gió Tây, địa hình núi, bão, áp thấp nhiệt đới và dải hội tụ.

C. gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến, Tín phong bán cầu Bắc và dải hội tụ.

D. Tín phong bán cầu Bắc và địa hình vùng núi, áp thấp nhiệt đới và dải hội tụ.

Câu 35: Mùa mưa ở dải đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ chịu tác động chủ yếu của

A. gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc, bão, dải hội tụ và áp thấp nhiệt đới.

B. gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến, gió đông bắc, bão, áp thấp nhiệt đới.

C. dải hội tụ và áp thấp nhiệt đới, bão, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.

D. áp thấp nhiệt đới và bão, gió mùa Tây Nam, gió Tây và gió mùa Đông Bắc.

Câu 36 Mùa mưa ở dải đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ chịu tác động chủ yếu của

A. áp thấp nhiệt đới và bão, gió mùa Tây Nam, gió Tây và gió mùa Đông Bắc.

B. gió hướng đông bắc, gió mùa Tây Nam, dải hội tụ, bão và áp thấp nhiệt đới.

C. gió mùa Tây Nam, áp thấp nhiệt đới, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.

D. dải hội tụ, Tín phong bán cầu Bắc và gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.

B.4 .Thiên nhiên phân hóa đa dạng:

Câu 37 : Phát biểu nào sau đây ***không*** đúng với khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc nước ta?

A. Trong năm có một mùa đông lạnh.

B. Có 2 - 3 tháng nhiệt độ dưới 18°C.

A. Biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ.

B. Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C.

Câu 38: Cảnh quan thiên nhiên tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Nam là

A. đới rừng cận xích đạo gió mùa.

B. đới rừng xích đạo.

C. đới rừng nhiệt đới gió mùa.
D. đới rừng lá kim.

Câu 39: Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở nước ta phổ biến các loại đất nào sau đây?

A. Feralit nâu đỏ và đất mùn thô.
B. Feralit có mùn và mùn thô.
C. Feralit nâu đỏ và đất phù sa.
D. Feralit có mùn và đất mùn.

Câu 40: Sự phân hóa thiên nhiên giữa vùng núi Đông Bắc với vùng núi Tây Bắc chủ yếu là do

A. tác động của Tín Phong với độ cao địa hình.
B. hoạt động của gió mùa mùa hạ và dải hội tụ nhiệt đới.
C. tác động của vĩ độ địa lí và hướng các dãy núi.
D. tác động của gió mùa với hướng của các dãy núi.

Câu 41: Sự khác nhau về mùa khí hậu giữa sườn Đông Trường Sơn và Tây Nguyên chủ yếu do tác động kết hợp của

A. các loại gió và dãy Trường Sơn Nam.
B. dải hội tụ nhiệt đới và các cao nguyên.
C. bão và các đồng bằng nhỏ hẹp ven biển.
D. Tín phong bán cầu Bắc và các đỉnh núi

Câu 42: Miền Nam nước ta không có mùa đông lạnh do

A.nằm gần đường chí tuyến, nhận được lượng nhiệt cao quanh năm.
B.không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc.
C.chịu ảnh hưởng của vùng biển rộng lớn hơn nhiều.
D.gió Mậu Dịch Bắc bán cầu hoạt động mạnh quanh năm.

Câu 43: Các vùng trên lãnh thổ nước ta khác nhau về chế độ mưa chủ yếu do tác động của

A. Tín phong bán cầu Bắc, hoạt động của gió mùa, vị trí địa lí và địa hình.
B. gió mùa Tây Nam, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến, vị trí địa lí.
C. gió mùa Đông Bắc, Tín phong bán cầu Bắc, vị trí địa lí và địa hình núi.
D. gió tây nam thổi vào mùa hạ, vị trí địa lí, độ cao và hướng các dãy núi.

Câu 44: Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có khí hậu khác với miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ chủ yếu do tác động của

A. vị trí ở nội chí tuyến, địa hình đồi núi, gió mùa Đông Bắc và gió Tây.
B. gió mùa và Tín phong bán cầu Bắc, vị trí gần chí tuyến, địa hình núi.
C. địa hình có núi cao, vị trí ở khu vực gió mùa, Tín phong bán cầu Bắc.
D. núi cao, gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới, vị trí ở xa xích đạo.

Câu 45: Phần lãnh thổ phía Bắc nước ta vào mùa đông có nhiều biến động thời tiết chủ yếu do tác động của

A. Tín phong bán cầu Bắc, gió mùa Đông Bắc và hoạt động của frông.
B. gió mùa Đông Bắc, hoạt động của frông và hướng của các dãy núi.
C. hoạt động của frông, gió mùa Đông Bắc và các dãy núi vòng cung.
D. vùng đồi núi rộng và Tín phong bán cầu Bắc, hoạt động của frông.

C .VẤN ĐỀ SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ TỰ NHIÊN.

Câu 46: Ý nào sau đây đúng về hiện trạng tài nguyên rừng ở nước ta hiện nay?

A. Chất lượng rừng chưa thể phục hồi.
B. Diện tích rừng chiếm trên 70% lãnh thổ.
C. Diện tích rừng trồng lớn hơn rừng tự nhiên.
D. Rừng nghèo và rừng mới phục hồi chiếm tỉ lệ nhỏ.

Câu 47: Biện pháp bảo vệ tài nguyên rừng của nước ta là

A. chống bão.
B. làm thủy điện.
C. dự báo động đất.
D. khai thác hợp lý.

Câu 48. Biện pháp nào sau đây được sử dụng trong bảo vệ đất ở đồng bằng nước ta?

A. Làm ruộng bậc thang.
B. Chống nhiễm mặn.
C. Trồng cây theo băng.
D. Đào hố kiểu vẩy cá.

Câu 49: Nguyên nhân chính gây ngập lụt ở đồng bằng sông Cửu Long là do
A. mưa lớn và triều cường.
B. bão lớn và lũ nguồn về.
C. không có đê sông ngăn lũ.
D. mưa bão trên diện rộng.

Câu 50: Nguyên nhân chính dẫn đến ngập lụt ở Trung Bộ vào tháng IX - X là do
A. mưa lớn và triều cường.
B. mưa bão lớn và lũ nguồn về.
C. không có đê sông ngăn lũ.
D. địa hình thấp hơn mực nước biển.

Câu 51: Mưa lớn, địa hình dốc, lớp phủ thực vật bị mất là nguyên nhân dẫn đến thiên tai nào sau đây?
A. Lũ quét.
B. Động đất.
C. Bão.
D. Hạn hán.

D. ĐẶC ĐIỂM DÂN SỐ VÀ PHÂN BỐ DÂN CƯ

Câu 52. Phát biểu nào sau đây ***không*** đúng về đặc điểm dân số nước ta hiện nay?
A. Có nhiều dân tộc ít người.
B. Gia tăng tự nhiên rất cao.
C. Dân tộc Kinh là đông nhất.
D. Có quy mô dân số lớn.

Câu 53. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về dân cư nước ta hiện nay?
A. Phân bố hợp lý giữa các vùng.
B. Tập trung ở các đồng bằng.
C. Phân bố thưa thớt ở các vùng núi.
D. Dân nông thôn nhiều hơn thành thị.

Câu 54: Dân cư nước ta hiện nay phân bố
A. hợp lí giữa các vùng.
B. tập trung ở khu vực đồng bằng.
C. chủ yếu ở thành thị.
D. đồng đều giữa các vùng.

Câu 55: Đồng bằng nước ta tập trung dân cư đông đúc là do
A. địa hình bằng phẳng, chủ yếu trồng lúa.
B. nhiều dân tộc sinh sống, diện tích đất rộng.
C. chủ yếu trồng lúa, nhiều dân tộc sinh sống.
D. diện tích đất rộng, có nhiều khoáng sản.

Câu 56: Tuy gia tăng tự nhiên dân số giảm, nhưng số dân nước ta vẫn còn tăng nhanh là do nguyên nhân nào sau đây?
A. Quy mô dân số lớn.
B. Tuổi thọ ngày càng cao.
C. Cơ cấu dân số già.
D. Gia tăng cơ học cao.

Câu 57: Dân cư nước ta phân bố không đều giữa các vùng gây khó khăn lớn nhất cho việc
A. nâng cao chất lượng cuộc sống.
B. bảo vệ tài nguyên và môi trường.
C. sử dụng có hiệu quả nguồn lao động.
D. nâng cao tay nghề cho lao động.

Câu 58: Dân cư nước ta phân bố chưa hợp lí chủ yếu do tác động của

A. vị trí địa lí, địa hình, khí hậu, tài nguyên.
B. quá trình định cư, trình độ dân trí, số dân.
C. sự phát triển kinh tế, các nhân tố tự nhiên.
D. các nhân tố về xã hội, cơ cấu nền kinh tế

Câu 59: Nước ta có tỉ lệ dân nông thôn còn lớn chủ yếu do
A. lao động nhiều, dịch vụ phát triển còn yếu.
B. ngành nghề còn ít, trồng trọt chiếm ưu thế.
C. gia tăng tự nhiên còn cao, người già đông.
D. công nghiệp hóa hạn chế, đô thị hóa chậm.

Câu 60: Số dân thành thị nước ta tăng nhanh trong những năm gần đây chủ yếu là do nguyên nhân nào sau đây?
A. Tác động của hội nhập kinh tế toàn cầu.
B. Tác động của quá trình công nghiệp hóa.
C. Ở đô thị có cơ sở hạ tầng ngày càng tốt.
D. Ở đô thị dễ kiếm việc làm có thu nhập.

E. KỸ NĂNG ĐỌC BẢN ĐỒ, ATLAT ĐỊA LÝ VIỆT NAM, LÀM VIỆC VỚI BẢNG SỐ LIỆU

Câu 61: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết dãy núi nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?
A. Phu Luông.
B, Sông Gâm.
C. Đông Triều.
D. Ngân Sơn.

Câu 62: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết nơi nào sau đây có bôxit ?
A. Bồng Miêu.
B. Hưng Nhượng.
C. Măng Đen.
D. Vĩnh Thạnh

Câu 63: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết Đà Lạt thuộc vùng khí hậu nào sau đây?
A. Nam Trung Bộ.
B. Nam Bộ.
C. Tây Nguyên.
D. Bắc Trung Bộ.

Câu 64: Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Sa Pa có lượng mưa lớn nhất?
A. Tháng VIII.
B. Tháng X.
C. Tháng XI.
D. Tháng IX.

Câu 65: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết núi nào sau đây nằm trên cao nguyên Di Linh?
A. Núi Nam Decbri.
B. Núi Lang Bian.
C. Núi Braian.
D. Núi Chư Pha.

Câu 66: Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Hồng?
A. A.Sông Đà.
B. Sông Cả.
C. Sông Chu.
D. Sông Mã.

Câu 67: Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 13, cho biết đảo nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?
A. Cái Bầu.
B. Biện Sơn.

C. Vĩnh Thực.
D. Cát Bà.

Câu 68: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết cửa sông nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

A. Cửa Văn Úc.
B. Cửa Hội.
C. Cửa Tư Hiền.
D. Cửa Việt.

Câu 69: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết núi nào sau đây thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ ?

A. Kiều Liêu Ti.
B. Pu Si Lung.
C. Pu Luông.
D. Pha Luông.

Câu 70: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết apatit có ở nơi nào sau đây?

A. Quỳnh Nhai.
B. Sinh Quyền.
C. Cam Đường.
D. Văn Bàn.

Câu 71: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết Nha Trang thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

A. Nam Trung Bộ.
B. Nam Bộ.
C. Tây Nguyên.
D. Bắc Trung Bộ.

Câu 72: cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Đà Lạt có lượng mưa lớn nhất?

A. Tháng VIII.
B. Tháng XI.
C. Tháng X.
D. Tháng IX.

Câu 73: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết núi nào sau đây nằm trên cao nguyên Kon Tum?

A. Núi Nam Decbri.
B. Núi Lang Bian.
C. Núi Ngọc Linh.
D. Núi Chư Pha.

Câu 74: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây ***không*** thuộc hệ thống sông Hồng?

A. Sông Gâm.
B. Sông Chảy.
C. Sông Mã.
D. Sông Lô.

Câu 75: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết đảo nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

A. Cát Bà.
B. Cái Bầu.
C. Vĩnh Thực.
D. Cồn Cỏ.

Câu 76: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết cửa sông nào sau đây thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

A. Cửa Văn Úc.
B. Cửa Hội.

C. Cửa Nam Triệu.
D. Cửa Ba Lạt.

Câu 77: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết dãy núi nào sau đây ***không*** thuộc miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

A. Con Voi.
B. Pu Đen Đinh.
C. Pu Sam Sao.
D. Hoàng Liên Sơn.

Câu 78: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 8, cho biết nơi nào sau đây có quặng titan ?

A. Hàm Tân.
B. Vĩnh Hảo.
C. Di Linh.
D. Đà Lạt.

Câu 79: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết Sa Pa thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

A. Đông Bắc Bộ.
B. Tây Bắc Bộ.
C. Trung và Nam Bắc Bộ.
D. Bắc Trung Bộ

Câu 80: Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 9, cho biết tháng nào sau đây ở trạm khí tượng Nha Trang có lượng mưa lớn nhất ?

A. Tháng XII.
B. Tháng IX.
C. Tháng X.
D. Tháng XI.

Câu 81: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết núi nào sau đây nằm trên cao nguyên Lâm Viên?

A. Núi Nam Decbri.
B. Núi Ngọc Linh.
C. Núi Bi Doup.
D. Núi Chư Pha.

Câu 82: Căn cứ vào Atlat Địa lý Việt Nam trang 10, cho biết sông nào sau đây thuộc hệ thống sông Mã?

A. Sông Cầu.
B. Sông Chu.
C. Sông Thương.
D. Sông Đà.

Câu 83: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết đảo nào sau đây không thuộc miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

A. Cát Bà.
B. Cái Bầu.
C. Vĩnh Thực.
D. Cồn Cỏ.

Câu 84: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết cửa sông nào sau đây thuộc miền Tây và Bắc Trung Bộ?

A. Cửa Văn Úc.
B. Cửa Gianh.
C. Cửa Thái Bình.
D. Cửa Ba Lạt.

Câu 85: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về chế độ nhiệt của Hà Nội so với Cần Thơ?

A. Nhiệt độ trung bình tháng VII thấp hơn.
B. Biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ hơn.
C. Nhiệt độ trung bình năm cao hơn
D. Nhiệt độ trung bình tháng I thấp hơn.

Câu 86: Cho biểu đồ

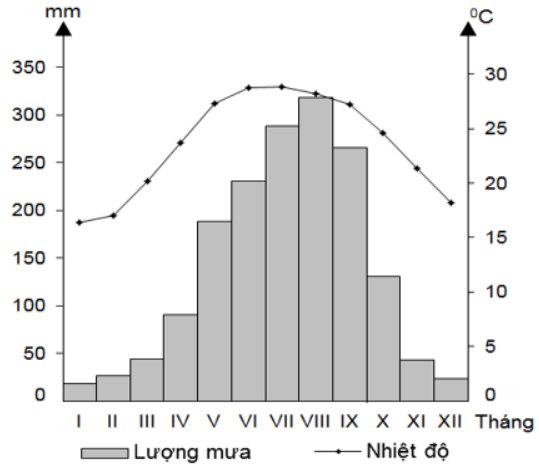

NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG Ở HÀ NỘI

Hãy cho biết nhận xét nào sau đây là đúng về nhiệt độ, lượng mưa ở Hà Nội?

A. Nhiệt độ cao nhất vào tháng 5.
B. Tháng XII có nhiệt độ dưới 15°C.
C. Lượng mưa lớn nhất vào tháng VIII.
D. Biên độ nhiệt rất thấp.

Câu 87: Cho bảng số liệu:

LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ TP. HỒ CHÍ MINH *(Đơn vị: mm)*

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	18,6	26,2	43,8	90,1	188,5	230,9	288,2	318,0	265,4	130,7	43,4	23,4
TP. Hồ Chí Minh	13,8	4,1	10,5	50,4	218,4	311,7	293,7	269,8	327,1	266,7	116,5	48,3

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết so sánh nào sau đây ***không*** đúng về chế độ mưa giữa Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh?

A. Tháng mưa cực đại ở Hà Nội đến sớm hơn ở TP. Hồ Chí Minh.
B. Thời gian mùa mưa ở TP. Hồ Chí Minh dài hơn Hà Nội.
C. Tháng có lượng mưa thấp nhất ở Hà Nội sớm hơn ở TP. Hồ Chí Minh.
D. Hà Nội có tổng lượng mưa cả năm lớn hơn TP. Hồ Chí Minh.

Câu 88: Cho bảng số liệu:

TỈ SUẤT SINH VÀ TỈ SUẤT TỬ CỦA DÂN SỐ NƯỚC TA QUA CÁC NĂM *(Đơn vị: ‰)*

Năm	1960	1979	1989	1999	2009	2014
Tỉ suất sinh	46,0	32,5	31,0	19,9	17,6	17,2
Tỉ suất tử	12,0	7,2	6,6	5,6	6,8	6,9

Nhận xét nào sau đây là đúng từ bảng số liệu trên?

A. Tỉ suất sinh của nước ta giảm ít.
B. Tỉ suất tử có sự biến động nhưng nhìn chung là tăng.
C. Từ năm 1960 đến năm 2014, tỉ suất sinh giảm 28,8 ‰.
D. Tỉ suất tử giảm mạnh hơn tỉ suất sinh.

Câu 89: Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 9, cho biết địa điểm nào sau đây có nhiệt độ trung bình tháng năm cao nhất trong các địa điểm sau đây?

A. Sa Pa.
B. Hà Nội.
C. Đà Nẵng.
D. Cần Thơ.

Câu 90: Cho bảng số liệu:

Mật độ dân số của các vùng nước ta năm 2014 *(Đơn vị: người/Km^2)*

Các vùng	**Mật độ dân số**
Đồng bằng sông Hồng	1304
Trung du và miền núi Bắc Bộ	127
Đông Bắc	155
Tây Bắc	79
Bắc Trung Bộ	202
Duyên hải Nam Trung Bộ	205
Tây Nguyên	101
Đông Nam Bộ	669
Đồng bằng sông Cửu Long	432

Biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện dân số của các vùng nước ta năm 2014 là

A. biểu đồ tròn.
B. biểu đồ miền.
C. biểu đồ đường.
D. biểu đồ cột (thanh ngang).

Câu 91: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ HUẾ (Đơn vị: °C)

Tháng	I	II	HI	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
Huế	19,7	20,9	23,2	26,0	28,0	29,2	29,4	28,8	27,0	25,1	23,2	20,8

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây ***không*** đúng về nhiệt độ của Hà Nội và Huế?

A. Cả hai địa điểm đều có nhiệt độ cao nhất vào tháng VII.
B. Nhiệt độ trung bình tháng VII ở Hà Nội thấp hơn Huế.
C. Nhiệt độ trung bình tháng I ở Huế cao hơn Hà Nội.
D. Biên độ nhiệt độ trung bình năm ở Hà Nội thấp hơn Huế.

Câu 92: Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ SỐ DÂN THÀNH THỊ CỦA MỘT SỐ TỈNH NĂM 2018

(Đơn vị: Nghìn người)

Tỉnh	**Hải Dương**	**Bắc Giang**	**Khánh Hoà**	**Đồng Tháp**
Số dân	1807,5	1691,8	1232,4	1693,3
Số dân thành thị	456,8	194,5	555,0	300,8

(Nguồn: Niêm giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tỉ lệ dân thành thị trong dân số của các tỉnh năm 2018?

A. Đồng Tháp cao hơn Bắc Giang.
B. Hải Dương thấp hơn Đồng Tháp.
C. Bắc Giang cao hơn Khánh Hòa.
D. Khánh Hòa thấp hơn Hải Dương.

Câu 93: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết tỉnh nào có mật độ dân số thấp nhất trong các tỉnh sau đây?

A. Nam Định.
B. Thái Bình.

C. Bắc Kạn.
D. Ninh Bình.

Câu 94: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ TỈNH NĂM 2018

Tỉnh	**Thái Bình**	**Phú Yên**	**Kom Tum**	**Đồng Tháp**
Diện tích (km2)	1586	5023	9674	3384
Dân số (nghìn người)	1793	910	535	1993

(Nguồn: Niêm giáp thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số của các tỉnh năm 2018?

A. Kon Tum cao hơn Đồng Tháp.
B. Đồng Tháp cao hơn Thái Bình.
C. Thái Bình thấp hơn Phú Yên.
D. Kon Tum thấp hơn Phú Yên.

Câu 95: Căn cứ vào Atlat Đia lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào sau đây thuộc miền khí hậu phía Bắc?

A. Nam Bộ.
B. Nam Trung Bộ.
C. Bắc Trung Bộ.
D. Tây Nguyên.

Câu 96: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc vùng khí hậu Tây Bắc Bộ?

A. Sa Pa.
B. Thanh Hóa.
C. Điện Biên Phủ.
D. Lạng Sơn.

Câu 97: Căn cứ vào bản đồ Khí hậu chung ở Atlat địa lí Việt Nam trang 9, trạm khí hậu có chế độ mưa vào thu – đông tiêu biểu ở nước ta là

A. Sapa.
B. Hà Nội.
C. Đồng Hới.
D. Đà Lạt.

Câu 98: Cho bảng số liệu:

Lượng mưa và lượng bốc hơi của một số địa điểm

Địa điểm	**Lượng mưa** *(mm)*	**Lượng bốc hơi** *(mm)*
Hà Nội	1676	989
Huế	2868	1000
Tp. Hồ Chí Minh	1931	1686

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây ***không*** đúng?

A. Cân bằng ẩm của Tp. Hồ Chí Minh nhỏ hơn Huế.
B. Cân bằng ẩm của Hà Nội lớn hơn Tp. Hồ Chí Minh.
C. Cân bằng ẩm của Hà Nội nhỏ hơn Tp. Hồ Chí Minh.
D. Cân bằng ẩm của Huế cao nhất.

Câu 99: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết phát biểu nào sau đây ***không*** đúng về chế độ nhiệt của Hà Nội so với Cà Mau?

A. Biên độ nhiệt độ trung bình năm lớn hơn.
B. Nhiệt độ trung bình tháng VII thấp hơn.
C. Nhiệt độ trung bình tháng I thấp hơn.
D. Nhiệt độ trung bình năm thấp hơn.

Câu 100: Cho biểu đồ:

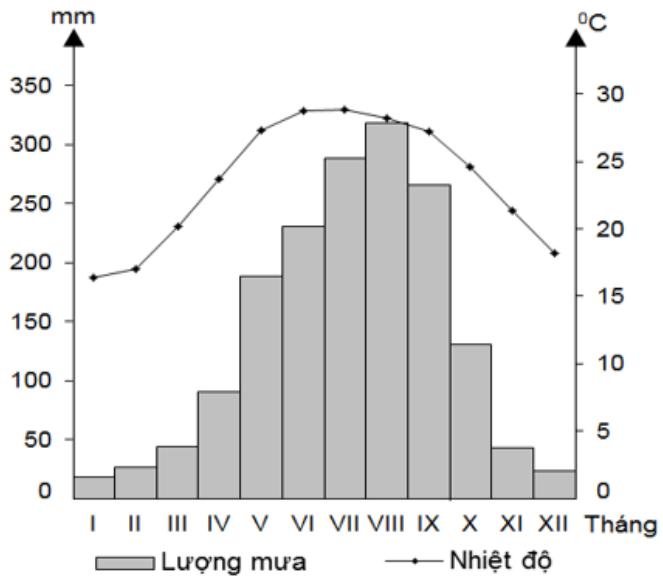

NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG Ở HÀ NỘI

Hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về nhiệt độ, lượng mưa ở Hà Nội?

A. Chế độ mưa có sự phân mùa.
B. Tháng XII có nhiệt độ dưới 15^{0}C.
C. Lượng mưa lớn nhất vào tháng VIII.
D. Nhiệt độ các tháng trong năm không đều.

Câu 101: Cho bảng số liệu:

LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HUẾ VÀ TP. HỒ CHÍ MINH *(Đơn vị: mm)*

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Huế	161,3	62,6	47,1	51,6	82,1	116,7	95,3	104,0	473,4	795,6	580,6	297,4
TP. Hồ Chí Minh	13,8	4,1	10,5	50,4	218,4	311,7	293,7	269,8	327,1	266,7	116,5	48,3

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây ***không*** đúng về chế độ mưa của Huế và TP. Hồ Chí Minh?

A. Tháng có mưa lớn nhất ở Huế là tháng X, ở TP. Hồ Chí Minh tháng IX.
B. Tháng có mưa nhỏ nhất ở Huế là tháng III, ở TP. Hồ Chí Minh tháng II.
C. Lượng mưa của tháng mưa lớn nhất ở Huế gấp hai lần TP. Hồ Chí Minh.
D. Mùa mưa ở Huế từ tháng VIII - I, ở TP. Hồ Chí Minh từ tháng V - XI.

Câu 102: cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DÂN SỐ PHÂN THEO NHÓM TUỔI CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM

Năm	1999	2005	2009	2014
Từ 0-14 tuổi	33.5	27.0	24.4	23.5
Từ 15- 59 tuổi	58.4	64.0	66.9	66.3
Từ 60 tuổi trở lên	8.1	9.0	8.7	10.2

Nhận xét nào sau đây là đúng từ bảng số liệu trên?

A. Cơ cấu dân số của nước ta đang chuyển dịch theo hướng già hóa.
B. Tỉ lệ nhóm tuổi từ 0 – 14 tăng.
C. Tỉ lệ nhóm tuổi từ 60 trở lên tăng liên tục.
D. Cơ cấu dân số của nước ta đang biến đổi theo xu hướng ngày càng trẻ.

Câu 103: Cho bảng số liệu:

Dân số việt năm qua các năm

(Đơn vị: Nghìn người)

Năm	2000	2005	2009	2014
Tổng số	77 631		86 025	90 729
Thành thị	18 725	22 332	25 585	30 035
Nông thôn	58 906	60 060	60 440	60 694

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Theo bảng số liệu, để thể tình hình dân số nước ta qua các năm, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Cột.
B. Kết hợp.
C. Miền.
D. Tròn.

Câu 104: Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 9, cho biết địa điểm nào sau đây có nhiệt độ trung bình tháng năm cao nhất trong các địa điểm sau đây?

A. Sa Pa.
B. Hà Nội.
C. Đà Lạt.
D. Tp. Hồ Chí Minh.

Câu 105: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ TP. HỒ CHÍ MINH (Đơn vị: °C)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
TP. Hồ Chí Minh	25,8	26,7	27,9	28,9	28,3	27,5	27,1	27,1	26,8	26,7	26,4	25,7

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa ií 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây ***không*** đúng về nhiệt độ của Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh?

A. Nhiệt độ trung bình tháng I ở Hà Nội thấp hơn TP, Hồ Chi Minh.
B. Nhiệt độ trung bình tháng VII ở Hà Nội cao hơn TP. Hồ Chí Minh.
C. Biên độ nhiệt độ trung bình năm ở Hà Nội nhỏ hơn TP. Hồ Chí Minh.
D. Số tháng có nhiệt độ trên 20°c ở TP. Hồ Chí Minh nhiều hơn Hà Nội

Câu 106: Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ SỐ DÂN THÀNH THỊ CỦA MỘT SỐ TỈNH NĂM 2018

(Đơn vị: Nghìn người)

Tỉnh	**Nam Định**	**Bắc Giang**	**Lâm Đồng**	**Đồng Tháp**
Số dân	1854,4	1691,8	1312,9	1693,3
Số dân thành thị	347,6	194,5	522,8	300,8

(Nguồn: Niêm giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tỉ lệ dân thành thị trong dân số của các tỉnh năm 2018?

A. Đồng Tháp cao hơn Bắc Giang.
B. Lâm Đồng thấp hơn Nam Định.
C. Bắc Giang cao hơn Lâm Đồng.
D. Nam Định thấp hơn Đồng Tháp.

Câu 107: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết tỉnh nào có mật độ dân số cao nhất trong các tỉnh sau đây?

A. Điện Biên.
B. Lai Châu.
C. Thái Bình.
D. Son La.

Câu 108: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ TỈNH NĂM 2018

Tỉnh	Thái Bình	Phú Yên	Kom Tum	Đồng Tháp
Diện tích (km2)	1586	5023	9674	3384
Dân số (nghìn người)	1793	910	535	1993

(Nguồn: Niêm giáp thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số của các tỉnh năm 2018?

A. Kon Tum cao hơn Đồng Tháp.
B. Đồng Tháp cao hơn Thái Bình.
C. Thái Bình thấp hơn Phú Yên.
D. Kon Tum thấp hơn Phú Yên.

Câu 109: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào sau đây thuộc miền khí hậu phía Bắc?

A. Nam Bộ.
B. Nam Trung Bộ.
C. Đông Bắc Bộ.
D. Tây Nguyên.

Câu 110: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc vùng khí hậu Bắc Trung Bộ?

A. Lạng Sơn.
B. Sa Pa.
C. Nha Trang.
D. Đồng Hới.

Câu 111: Căn cứ vào bản đồ Khí hậu chung ở Atlat địa lí Việt Nam trang 9, trạm khí hậu có chế độ mưa vào thu – đông tiêu biểu ở nước ta là

A. Lạng Sơn.
B. Điện Biên.
C. Đà Nẵng.
D. Cần Thơ.

Câu 112: Cho bảng số liệu:

Lượng mưa và lượng bốc hơi của một số địa điểm

Địa điểm	**Lượng mưa** *(mm)*	**Lượng bốc hơi** *(mm)*
Hà Nội	1676	989
Huế	2868	1000
Tp. Hồ Chí Minh	1931	1686

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây ***không*** đúng?

A. Cân bằng ẩm của Hà Nội lớn hơn Tp. Hồ Chí Minh.
B. Cân bằng ẩm của Huế cao hơn Tp. Hồ Chí Minh.
C. Cân bằng ẩm của Huế nhỏ hơn Tp. Hồ Chí Minh.
D. Cân bằng ẩm của Tp. Hồ Chí Minh nhỏ nhất.

Câu 113: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về chế độ nhiệt của Lạng Sơn so với Nha Trang?

A. Biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ hơn.
B. Nhiệt độ trung bình năm cao hơn.
C. Nhiệt độ trung bình tháng VII cao hơn.
D. Nhiệt độ trung bình tháng I thấp hơn

Câu 114: Cho biểu đồ

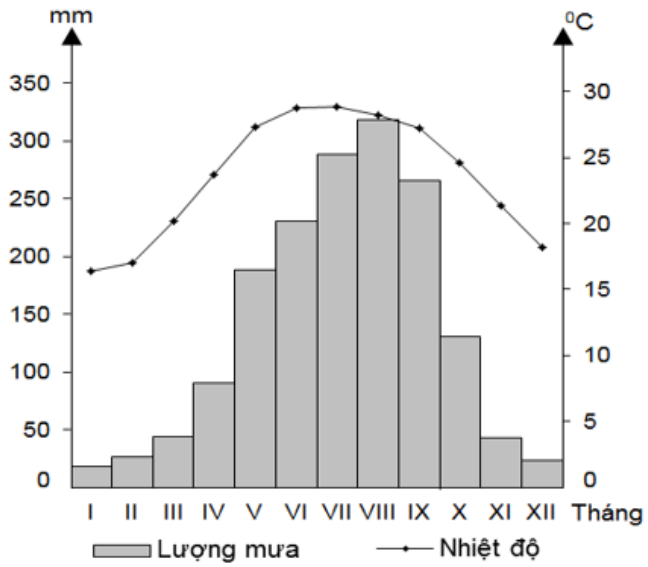

NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG Ở HÀ NỘI

Hãy cho biết nhận xét nào sau đây là đúng về nhiệt độ, lượng mưa ở Hà Nội?

A. Nhiệt độ cao nhất vào tháng 5.
B. Tháng XII có nhiệt độ dưới 15°C.
C. Lượng mưa nhỏ nhất vào tháng I.
D. Biên độ nhiệt rất thấp.

Câu 115: Cho bảng số liệu:

LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ HUẾ (Đơn vị: mm)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	18,6	26,2	43,8	90,1	188,5	230,9	288,2	318,0	265,4	130,7	43,4	23,4
Huế	161,3	62,6	47,1	51,6	82,1	116,7	95,3	104,0	473,4	795,6	580,6	297,4

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây ***không*** đúng về chế độ mưa của Hà Nội và Huế?

A. Tháng có mưa lớn nhất ở Hà Nội là tháng VIII, ở Huế tháng X.
B. . Tháng có mưa nhỏ nhất ở Hà Nội là tháng I, ở Huế tháng III.
C. Lượng mưa của tháng mưa lớn nhất ở Huế gấp 2,5 lần Hà Nội.
D. Mùa mưa ở Hà Nội từ tháng V - X, ở Huế từ tháng VIII - I.

Câu 116: Cho bảng số liệu:

DÂN SỐ VIỆT NAM QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: Nghìn người)

Năm	2000	2005	2009	2014
Tổng số	77 631	82 392	86 025	90 729
Thành thị	18 725	22 332	25 585	30 035
Nông thôn	58 906	60 060	60 440	60 694

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Nhận xét nào sau đây ***không*** đúng với bảng số liệu trên?

A. Dân thành thị tăng ít hơn dân nông thôn.
B. Dân thành thị và dân nông thôn đều tăng.
C. Dân thành thị tăng nhanh hơn dân nông thôn.
D. Dân thành thị ít hơn dân nông thôn.

Câu 117: Cho bảng số liệu:

Cơ cấu dân số phân theo nhóm tuổi của nước ta qua các năm

Năm	1999	2005	2009	2014
Từ 0-14 tuổi	33.5	27.0	24.4	23.5
Từ 15- 59 tuổi	58.4	64.0	66.9	66.3
Từ 60 tuổi trở lên	8.1	9.0	8.7	10.2

Theo bảng số liệu, để thể cơ cấu dân số phân theo nhóm tuổi của nước ta qua các năm, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

A. Đường.
B. Kết hợp.
C. Miền.
D. Tròn.

Câu 118: Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 9, cho biết địa điểm nào sau đây có nhiệt độ trung bình tháng năm cao nhất trong các địa điểm sau đây?

A. Sa Pa.
B. Hà Nội.
C. Đà Nẵng.
D. Cà Mau.

Câu 119: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HÀ NỘI VÀ TP. HỒ CHÍ MINH (Đơn vị: °C)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Hà Nội	16,4	17,0	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2
TP. Hồ Chí Minh	25,8	26,7	27,9	28,9	28,3	27,5	27,1	27,1	26,8	26,7	26,4	25,7

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây ***không*** đúng về nhiệt độ của Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh?

A. Nhiệt độ trung bình tháng I ở Hà Nội thấp hơn TP, Hồ Chi Minh.
B. Nhiệt độ trung bình tháng VII ở Hà Nội cao hơn TP. Hồ Chí Minh.
C. Biên độ nhiệt độ trung bình năm ở TP. Hồ Chí Minh lớn hơn Hà Nội.
D. Số tháng có nhiệt độ trên 20°c ở TP. Hồ Chí Minh nhiều hơn Hà Nội

Câu 120: Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN VÀ SỐ DÂN THÀNH THỊ CỦA MỘT SỐ TỈNH NĂM 2018 *(Đơn vị: Nghìn người)*

Tỉnh	**Bắc Ninh**	**Thanh Hóa**	**Bình Định**	**Tiền Giang**
Số dân	1247,5	3558,2	1534,8	1762,3
Số dân thành thị	353,6	616,1	475,5	272,9

(Nguồn: Niêm giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh tỉ lệ dân thành thị trong dân số của các tỉnh năm 2018?

A. Tiền Giang cao hơn Bình Định.
B. Bình Định thấp hơn Bắc Ninh.
C. Thanh Hóa cao hơn Tiền Giang.
D. Bắc Ninh cao hơn Thanh Hóa.

Câu 121: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết tỉnh nào có mật độ dân số cao nhất trong các tỉnh sau đây?

A. Long An.
B. Kiên Giang.
C. Cần Thơ.
D. Cà Mau.

Câu 122: Cho bảng số liệu:
DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ TỈNH NĂM 2018

Tỉnh	**Thái Bình**	**Phú Yên**	**Kom Tum**	**Đồng Tháp**
Diện tích (km2)	1586	5023	9674	3384
Dân số (nghìn người)	1793	910	535	1993

(Nguồn: Niêm giáp thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)
Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số của các tỉnh năm 2018?
A. Kon Tum cao hơn Đồng Tháp.
B. Đồng Tháp cao hơn Thái Bình.
C. Thái Bình thấp hơn Phú Yên.
D. Kon Tum thấp hơn Thái Bình.

Câu 123: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào sau đây **không** thuộc miền khí hậu phía Nam?
A. Nam Bộ.
B. Nam Trung Bộ.
C. Đông Bắc Bộ.
D. Tây Nguyên.

Câu 124: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí tượng nào sau đây thuộc vùng khí hậu Nam Trung Bộ?
A. Lạng Sơn.
B. Nha Trang.
C. Đồng Hới.
D. Cần Thơ.

Câu 125: Căn cứ vào bản đồ Khí hậu chung ở Atlat địa lí Việt Nam trang 9, trạm khí hậu có chế độ mưa vào thu – đông tiêu biểu ở nước ta là
A. Hà Nội.
B. Lạng Sơn.
C. Nha Trang.
D. Cà Mau.

Câu 126: Cho bảng số liệu:

Lượng mưa và lượng bốc hơi của một số địa điểm

Địa điểm	**Lượng mưa** *(mm)*	**Lượng bốc hơi** *(mm)*
Hà Nội	1676	989
Huế	2868	1000
Tp. Hồ Chí Minh	1931	1686

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây ***không*** đúng?
A. Cân bằng ẩm của Huế lớn hơn Tp. Hồ Chí Minh.
B. Cân bằng ẩm của Hà Nội nhỏ hơn Huế.
C. Cân bằng ẩm của Hà Nội lớn hơn Huế.
D. Cân bằng ẩm của Tp. Hồ Chí Minh nhỏ nhất.